

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 82/2024/HNGĐ-ST

Ngày 27-12-2024

“V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Dương Thanh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Vinh; ông Lý Viết Chấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhị - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27/12/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 374/2024/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc *“Không công nhận quan hệ vợ chồng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/12/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thế M, sinh năm 1959. Địa chỉ: Thôn Q, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; *Có mặt.*

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị Kim T, sinh năm 1965. Địa chỉ: Thôn Q, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Thế M trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi với bà Đỗ Thị Kim T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992, vợ chồng chung sống với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện. Tuy nhiên, chúng tôi không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian. Tuy nhiên, từ năm 2014 cho đến nay thì chúng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính tình của cả hai không hòa hợp và hiện nay chúng tôi không còn chung sống với nhau nữa. Xét hôn nhân của chúng tôi không đạt được. Nên tôi đã làm đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án. Nguyên vọng của tôi đề nghị Tòa án xem xét giải quyết *“Không công nhận quan hệ vợ chồng”* giữa tôi với bà Đỗ Thị Kim T.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống, chúng tôi có 03 con chung là:

+ Cháu Nguyễn Thị Mỹ C, sinh ngày 05/3/1993;

+ Cháu Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 21/5/1996;

+ Cháu Nguyễn Thế Anh S, sinh ngày 29/9/1997.

Hiện nay các cháu đều đã trên 18 tuổi, đã có cuộc sống riêng và tự quyết định cuộc sống của các cháu nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Các con chung đều đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung*: Giữa chúng tôi có tài sản chung tuy nhiên tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chúng tôi tự thỏa thuận nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

*** *Quá trình làm việc và tại phiên tòa, bị đơn bà Đỗ Thị Kim T trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân*: Thống nhất như lời trình bày mà ông Nguyễn Thế M nêu trên. Và thừa nhận cả hai chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992, vợ chồng chung sống với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Tuy nhiên, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian. Tuy nhiên, từ năm 2014 cho đến nay thì có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, ông M có hành vi bạo lực gia đình đối với tôi và các con. Và mâu thuẫn đỉnh điểm là vào ngày 19/9/2024 ông Minh đã có hành vi đánh đập tôi nên tôi đã báo cáo chính quyền địa phương.

Nay ông Nguyễn Thế M làm đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết “Không công nhận quan hệ vợ chồng” giữa ông Nguyễn Thế M với tôi thì tôi đồng ý. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chúng tôi.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống, chúng tôi có 03 con chung là:

+ Cháu Nguyễn Thị Mỹ C, sinh ngày 05/3/1993;

+ Cháu Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 21/5/1996;

+ Cháu Nguyễn Thế Anh S, sinh ngày 29/9/1997.

Hiện nay các cháu đều đã trên 18 tuổi, đã có cuộc sống riêng và tự quyết định cuộc sống của các cháu nên tôi không có ý kiến gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Các con chung đều đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung*: Chúng tôi tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chúng tôi tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra tôi không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Thế M và bà Đỗ Thị Kim T đề nghị Tòa án xem xét giải quyết “không công nhận quan hệ vợ chồng” đối với ông bà.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa:

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự là nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14; Điều 15 của Luật Hôn nhân gia đình 2014; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Thế M và bà Đỗ Thị Kim T là vợ chồng.

2. Về con chung: 03 con chung là Nguyễn Thị Mỹ C, sinh ngày 05/3/1993; Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 21/5/1996; Nguyễn Thế Anh S, sinh ngày 29/9/1997. Hiện nay đều đã trên 18 tuổi, đã có cuộc sống riêng và tự quyết định cuộc sống của mình. Vì vậy không đề cập để giải quyết.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Ông Nguyễn Thế M và bà Đỗ Thị Kim T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đề cập để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn ông Nguyễn Thế M khởi kiện đối với bị đơn bà Đỗ Thị Kim T cư trú tại Thôn Q, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của ông Nguyễn Thế M yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng. Vì vậy xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn cụ thể là không công nhận quan hệ vợ chồng*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Thế M làm đơn khởi kiện đề nghị xem xét “Không công nhận quan hệ vợ chồng” giữa ông với bà Đỗ Thị Kim T. Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ vào lời khai nhận của ông Nguyễn Thế M và bà Đỗ Thị Kim T tại Tòa án và biên bản xác minh của Tòa án tại chính quyền địa phương thì: ông M với bà T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 cho tới nay nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên hôn nhân giữa ông M và bà T không được pháp luật công nhận. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*”. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và

gia đình thì hôn nhân giữa ông Nguyễn Thế M và bà Đỗ Thị Kim T không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Do đó, ông Nguyễn Thế M và bà Đỗ Thị Kim T không được công nhận là vợ chồng.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống, giữa ông Minh với bà Trúc có 03 con chung là: cháu Nguyễn Thị Mỹ C, sinh ngày 05/3/1993; cháu Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 21/5/1996; cháu Nguyễn Thế Anh S, sinh ngày 29/9/1997. Hiện nay các cháu đều đã trên 18 tuổi, đã có cuộc sống riêng và tự quyết định cuộc sống của mình. Ông M, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập để giải quyết.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Do các con chung đều đã trên 18 tuổi nên ông M, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập để giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông Nguyễn Thế M và bà Đỗ Thị Kim T xác định ông bà tự thỏa thuận tài sản chung, tự thỏa thuận nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập để xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Thế M phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên ông M là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên ông được miễn án phí theo quy định của pháp luật

[5] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tại phiên tòa là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203; Điều 220; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Thế M và bà Đỗ Thị Kim T là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung:

- Đối với con chung là Nguyễn Thị Mỹ C, sinh ngày 05/3/1993; Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 21/5/1996; Nguyễn Thế Anh S, sinh ngày 29/9/1997. Hiện nay đều đã trên 18 tuổi, đã có cuộc sống riêng và tự quyết định cuộc sống của mình. Ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không đề cập để giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Thế M và bà Đỗ Thị Kim T xác định tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đề cập để giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Nguyễn Thế M và bà Đỗ Thị Kim T xác định tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đề cập để giải quyết.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Thế M được miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Dương Thanh